

QUYẾT ĐỊNH
Về việc trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2024 - 2025
cho sinh viên hệ chính quy Trường Du lịch

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐĐH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế; Nghị quyết số 50/NQ-HĐĐH ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Nghị quyết số 14/NQ-HĐĐH ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HĐĐH ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc thành lập Trường Du lịch thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-ĐHH ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Trường Du lịch thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I phần II Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2002/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-ĐHH ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Phó Giám đốc phụ trách Đại học Huế về việc ủy quyền cho Hiệu trưởng Trường Du lịch - Đại học Huế được ký thừa ủy quyền và đóng dấu Đại học Huế;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Du lịch – Đại học Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2024 - 2025 cho 26 sinh viên hệ chính quy khóa K55, K56, K57, K58 Trường Du lịch (*có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Sinh viên hưởng trợ cấp xã hội theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đại học Huế, Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên, Trưởng Ban Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất, Hiệu trưởng Trường Du lịch và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PGĐ phụ trách ĐHH (để b/c);
- Lưu: VT, TDL. LMH.

TUQ. GIÁM ĐỐC
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG DU LỊCH

Trần Hữu Tuấn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

**DANH SÁCH SINH VIÊN TRƯỜNG DU LỊCH ĐƯỢC NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘI
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHH ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Đại học Huế)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp-ngành	Đối tượng trợ cấp	Mức trợ cấp/tháng	Số tháng
1	24D4040114	Trần Thị Huyền Như	29/12/2006	K58 Du lịch 2	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100.000	6
2	24D4040141	Nguyễn Hoàng Sinh	21/10/2006	K58 Du lịch 2	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100.000	6
3	24D4040166	Lê Thị Thủy Tiên	06/04/2006	K58 Du lịch 1	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100.000	6
4	22D4010157	Đặng Thị Quỳnh	22/07/2003	K56 QTDVDL&LH ĐT 2	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100.000	6
5	24D4050010	Nguyễn Gia Bảo	01/01/2006	K58 QTKS 1	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100.000	6
6	23D4040092	Kê Thị Thúy Nga	11/12/2004	K57 Du lịch	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100.000	6
7	24D4020102	Hồ Thị Thương	20/04/2006	K58 QTKD	Con hộ nghèo	100.000	6
8	24D4060010	Hồ Thị Cheng	13/04/2006	K58 QTNH&DVAU	Con hộ nghèo	100.000	6
9	24D4010162	Đặng Huy	12/11/2006	K58 QTDVDL&LH 5	Con hộ nghèo	100.000	6
10	23D4040136	Lù Phương Quý	15/12/2005	K57 Du lịch 1	Con hộ nghèo	100.000	6
11	22D4050154	Trần Thị Thu Hiền	29/05/2004	K56 QTKS	Con hộ nghèo	100.000	6

12	24D4040249	Phan Thị Như Ý	16/10/2006	K58 Du lịch 2	Con hộ nghèo	100.000	6
13	24D4010380	Nông Đức Tài	14/07/2006	K58 QTDVDL&LH 4	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
14	24D4010065	Phương Đình Chính	12/08/2006	K58 QTDVDL&LH 1	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
15	24D4080050	Đặng Yến Nhi	02/11/2006	K58 QTDL&KS	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
16	24D4010076	A Viêt Thị Điều	22/10/2006	K58 QTDVDL&LH 2	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
17	24D4010117	Phạm Thị Hằng	09/07/2006	K58 QTDVDL&LH 1	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
18	24D4010497	Hà Nông Trường	17/09/2006	K58 QTDVDL&LH 3	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
19	23D4010120	Giảng Cổ Lan	12/09/2005	K57 QTDVDL&LH 4	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
20	23D4050208	Hồ Thị Thủy	02/08/2005	K57 QTKS 2	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
21	23D4080005	Đinh Thị Thùy Chi	17/09/2005	K57 QTDL&KS	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
22	21D4010131	Vi Long An	05/06/2003	K55 HDDL ĐT	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
23	21D4050076	Hồ Thị Mai Anh	17/08/2003	K55 QTKS	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
24	21D4060177	Hồ Thị Hoài Thu	26/12/2003	K55 QTNH&DVAU	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
25	21D4040046	Hồ Thị Nguyệt Ánh	18/03/2003	K55 Du lịch	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6
26	21D4010389	Lương Minh Nguyệt	20/09/2003	K55 QLLH ĐT	Con DTTS vùng KTĐBKK	140.000	6

Danh sách này gồm 26 sinh viên./.